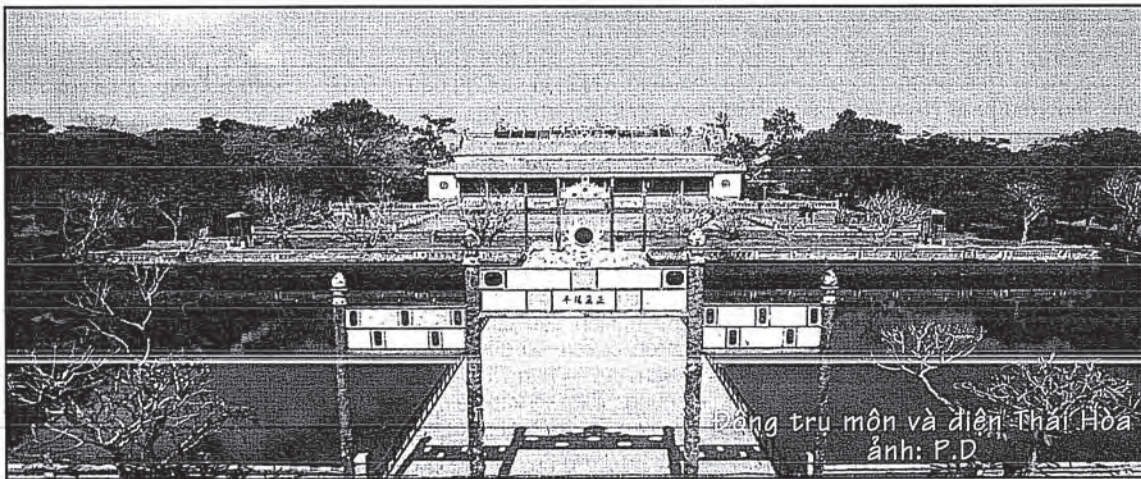


HOÀNG CUNG HUẾ:

BỐ CỤC VÀ Ý NGHĨA

PHAN THUẬN AN*



Triều Nguyễn (1802-1945) là triều đại cuối cùng trong lịch sử thời quân chủ kéo dài hàng ngàn năm tại Việt Nam. Kể một cách chính thức từ Đinh, Lý, Trần, Lê, Tây Sơn..., triều đại nào cũng xây dựng cho mình một Hoàng cung để triều đình sinh hoạt và hoàng gia ăn ở. Nhưng nay nhìn lại thì tất cả đều đã mai một, điêu tàn theo thời gian, chỉ riêng Huế, kinh đô triều Nguyễn, là nơi duy nhất còn duy trì tương đối nguyên vẹn diện mạo và giá trị nhiều mặt của các cung điện vàng son một thuở.

Có thể nói Hoàng cung Huế là cái rốn, là trọng địa số một của Kinh đô triều Nguyễn, bao gồm thành quách, cung điện, quan thự, miếu đường, đàn từ, lăng tẩm...

Từ đầu thế kỷ XIX, các thành phần và loại hình kiến trúc này đã được quy hoạch và xây dựng một cách có bài bản, có hệ thống, dựa trên một chủ đề tư tưởng mang tính triết lý của phương Đông và truyền thống của dân tộc. Vào năm 1993, khi quyết định ghi tên Quần thể Di tích Huế vào Danh mục Di sản Văn hóa Thế giới, UNESCO đã nhận định rằng:

"Quần thể Di tích Huế: Kinh đô đầu tiên của

nước Việt Nam thống nhất, thành phố đã được xây dựng vào thế kỷ 19 dựa theo các triết lý phương Đông và truyền thống Việt Nam. Sự hòa quyện vào môi trường thiên nhiên, vẻ đẹp của kiến trúc đặc biệt và các công trình có trang trí là một phản ánh độc đáo của nền chế độ Việt Nam xưa vào thời cao điểm của nó" (1).

Từ tổng thể kiến trúc Kinh đô Huế đến từng đơn nguyên công trình, tất cả đã được kết hợp với nhau thật mạch lạc, chặt chẽ và nhịp nhàng.

Riêng các công trình kiến trúc thuộc Hoàng cung cũng đã được phân bố một cách mạch lạc, chặt chẽ và nhịp nhàng như vậy.

Nằm trong lòng Kinh thành và áp gần sát với mặt tiền của nó, Hoàng cung bao gồm hai vòng thành (ngoài lớn trong nhỏ, gọi là Hoàng thành và Tử Cấm thành) và khoảng 100 cung điện, miếu đường, lầu gác, đình tạ ở bên trong.

Tổng thể kiến trúc Hoàng cung đã được quy hoạch và xây dựng chủ yếu dưới thời Gia Long (1802-1819). Nhưng, nó đã được nâng cấp và hoàn chỉnh dưới thời Minh Mạng (1820-1840).

* Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế

Các vua kế nhiệm, từ thời Thiệu Trị (1841-1848) đến thời Bảo Đại (1926-1945), có thêm bớt một số công trình và thay đổi ít nhiều về phong cách kiến trúc, nhưng, nhìn chung, bố cục và diện mạo chính chu nhất của Hoàng cung Huế xưa nay vẫn là hệ thống kiến trúc vào thời Minh Mạng.

Thời Minh Mạng là đỉnh cao của triều Nguyễn trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Triết thuyết Thiên mệnh và học thuyết Nho giáo đã được vận dụng và thi hành một cách toàn diện vào việc trị quốc an dân. Các quan niệm về vũ trụ và nhân sinh truyền thống của dân tộc cũng đã được ứng dụng vào mọi lĩnh vực sinh hoạt mang tính quốc gia và triều đình, kể cả công việc xây dựng Kinh đô Huế, trong đó có Hoàng cung.

Sách "Đại Nam thực lục" có ghi lại một mẩu chuyện liên quan đến lĩnh vực quy hoạch kiến trúc Hoàng cung. Vào năm 1833, trong đợt tái quy hoạch và nâng cấp một số công trình kiến trúc quan trọng trong Hoàng cung, như Ngọ Môn, Đại Cung Môn, điện Thái Hòa, v.v..., vua Minh Mạng hỏi quan Thị lang Bộ Công Nguyễn Trung Mậu rằng: "Xưa nay việc xây dựng đô thành đều làm hướng Nam có phải không?" Mậu thưa: "Vâng, nếu không đóng hướng vào những chữ tý, ngọ thì cũng quý, đinh, nhâm, bính, hay kiền, tốn, đều thuộc về hướng Nam". Vua nói: "Năm nay là năm Quý Ty, hướng Đông là hướng sát, mà hướng Nam là hướng lợi, việc xây thành nên làm đi. Câu nệ về sự kiêng kị, là cái học của nhà thuật số, ta rất không tin, nhưng việc sửa sang thành trì là kế lâu dài của nhà nước, thì theo lành, tránh dữ cũng không sao!" (2).

Trên nền tảng tư tưởng đó, các nhà kiến trúc triều Nguyễn sống vào 3 thập niên đầu thế kỷ XIX đã tạo ra hệ thống Hoàng cung Huế với một bố cục chặt chẽ và với những ý nghĩa văn hóa, lịch sử và nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

Về bố cục, mặt bằng Hoàng cung với hình dạng gần như vuông (606mx622m) đã được hoạch định theo hai trục chính: một *trục dọc* và một *trục ngang*.

Trục dọc đương nhiên là trục chung của cả quần thể kiến trúc Kinh đô Huế (tọa càn hướng tốn, tức là Tây Bắc - Đông Nam). Riêng trong phạm vi Hoàng cung, trục này chạy từ Ngọ Môn qua điện Thái Hòa, Đại Cung Môn, điện Cần

Chánh, điện Càn Thành, điện Khôn Thái, lầu Du Cửu (về sau là lầu Kiến Trung) đến lầu Tứ Phương Vô Sự nằm trên Bắc Khuyết Đài. Trục xuyên tâm này vừa ảo vừa thật. Trên trục dọc, có một con đường lát đá thanh dành riêng cho vua đi, gọi là *Dũng đạo*. Bất cứ ai khác, nếu bước chân vào con đường ấy, thì sẽ mắc tội "phạm tất". Các nhà quy hoạch Hoàng cung bấy giờ đã bố trí các công trình kiến trúc ở hai bên trục này theo một tôn ti trật tự bằng cách dựa vào các quy chuẩn truyền thống của phương Đông: *tả nam hữu nữ, tả văn hữu võ, tả chiêu hữu mục*. Cụ thể là:

- *Tả nam hữu nữ*: Cửa Hiển Nhân bên trái Hoàng thành dành cho nam giới ra vào. Các quan và lính tráng từ bên ngoài đến làm việc hàng ngày ở Hoàng cung chỉ đi về bằng cửa này. Cửa *Chương Đức* ở bên phải Hoàng thành là lối đi dành riêng cho nữ giới, kể từ các nữ tỳ, các nữ quan đến Hoàng quý phi (thường hiểu là Hoàng hậu), Hoàng Thái hậu. Khu vực bên trái Hoàng thành, từ phủ Nội Vụ đến vườn Cơ Hạ, điện Khâm Văn, đảo Doanh Châu, chỉ dành cho các sinh hoạt của nam giới, kể cả vua. Trong khi đó thì khu vực bên phải, từ điện Phụng Tiên đến cung Diên Thọ và cung Trường Sanh, được dùng làm nơi sinh hoạt và ăn ở của các "cô phụng trực" và nhất là, của các bà Hoàng Thái hậu, Thái hoàng Thái hậu. Ngay trong Tử Cấm Thành, bên trái điện Càn Thành là điện Quang Minh (chỗ ở của các hoàng tử), đối xứng ở bên phải là điện Trinh Minh (chỗ ở của các phi tần). Tiếp theo đó là khu Lục viện dành cho hàng trăm cung nữ. Còn phía bên phải, từ Dưỡng Chánh Đường đến Duyệt Thị Đường, Thái Y Viện, Thượng Thiện Sở, Cẩn Tín Ty, Thị Vệ Trực Phòng, Thái Bình Lâu, Thiệu Phương Viên, Ngự Viên... đều là khu vực dành cho các hoàng tử học tập, vua đọc sách, vui chơi giải trí và một số quan lại lính tráng phục vụ vua hàng ngày.

- *Tả văn hữu võ*: Nguyên tắc tả văn hữu võ đã được áp dụng chẳng những trong việc bố trí các công trình kiến trúc ở hai bên trục dọc của Hoàng cung, mà ngay cả ở vị trí đứng chầu của các quan trong triều. Ở bên trái điện Thái Hòa và điện Cần Chánh ngày xưa, từ trước đến sau, có Tả Đái Lậu Viện, Tả Vu và điện Văn Minh là những tòa nhà dành cho một số sinh hoạt của các quan văn. Đối xứng ở bên kia là Hữu Đái Lậu Viện, Hữu Vu và điện Võ Hiển thì dành cho

các quan võ. Khi đứng chầu vua trong các lễ Đại triều ở sân điện Thái Hòa hoặc các lễ Thường triều ở sân điện Cần Chánh, các quan văn bao giờ cũng "lập ban" ở bên trái, còn các quan võ sắp hàng ở bên phải sân chầu, tính từ hướng của nhà vua trên ngai vàng. Cùng đó, ở Ngọ Môn, cũng trên nguyên tắc, khi có cuộc lễ do vua chủ tọa, các quan văn bao giờ cũng đứng dự ở Tả Dực Lâu và các quan võ ở Hữu Dực Lâu của lầu Ngũ Phụng.

- *Tả chiêu hữu mục*: Qui chuẩn này đã được áp dụng vào việc sắp xếp vị trí các miếu thờ trong Hoàng cung: ở bên trái là *chiêu*, ở bên phải là *mục*. Chiêu quan trọng hơn mục. So với trục dọc của Hoàng cung, Thái Tổ Miếu, (nơi thờ các chúa Nguyễn), nằm ở phía bên trái, còn Thế Tổ Miếu, (nơi thờ các vua Nguyễn), nằm ở phía bên phải. Các chúa Nguyễn là tổ tiên của các vua Nguyễn. Sự bố trí mang tính hiếu đạo này còn được áp dụng ngay cả trong việc trần thiết các gian thờ ở nội thất của từng ngôi miếu mà các sử quan triều Nguyễn gọi là "đồng đường dị thất". Chẳng hạn như ở Thế Tổ Miếu: gian chính trung (ở giữa) là vị trí quan trọng nhất trong miếu dành để thờ vua Gia Long, vị vua khai sáng triều đại; gian tả nhất thờ vị vua thứ hai là Minh Mạng. Gian hữu nhất thờ vua thứ ba, Thiệu Trị. Gian tả nhị thờ vua thứ tư: Tự Đức. Gian hữu nhị thờ vua thứ năm, v.v... Các gian thờ bên phía trái đều thuộc hàng chiêu và các gian thờ bên phía phải đều thuộc hàng mục. Nguyên tắc "tả chiêu hữu mục" được áp dụng chẳng những ở các "tôn miếu" của hoàng gia, mà còn ở tất cả các nhà thờ họ phái trong dân gian và ngay cả cách sắp xếp các bài vị của những người quá cố trên ban thờ của từng gia đình thuộc bách tính nữa.

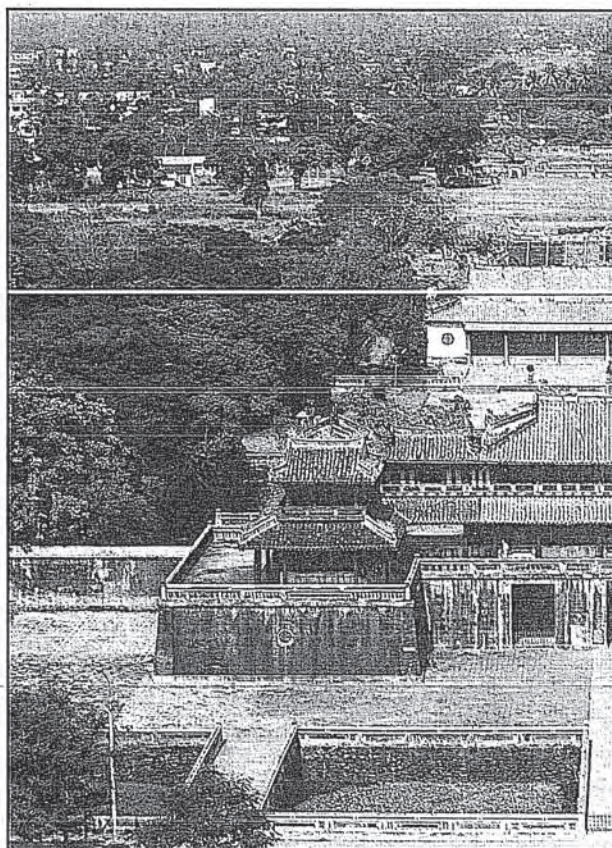
Trục ngang của Hoàng cung Huế dễ thấy hơn. Đó chính là tuyến đường thẳng tắp nối cửa Hiển Nhân với cửa Chương Đức (xuyên qua hai cửa Nhật Tinh và Nguyệt Anh nằm hai bên Đại Cung Môn). Tuyến đường này là ranh giới ngăn cách tổng thể mặt bằng Hoàng cung ra làm hai địa phận: địa phận phía Nam và địa phận phía Bắc.

- *Địa phận phía Nam*: Địa phận này chạy từ điện Thái Hòa đến Ngọ Môn và hai bên là 4 miếu thờ các vua chúa nhà Nguyễn (Triệu Tổ Miếu, Thái Tổ Miếu, Hưng Tổ Miếu và Thế Tổ Miếu), là nơi sinh hoạt lễ nghi của triều đình và được xem là bộ mặt quan trọng nhất của quốc

gia, đặc biệt là khi đón tiếp những sứ bộ của các nước phiên thuộc và những phái đoàn ngoại quốc.

Đây là khu vực thiêng liêng nhất trong tổng thể mặt bằng của Hoàng cung Huế. Khu vực này chỉ dành riêng cho các sinh hoạt lễ nghi được tổ chức một cách trọng thể, trong đó chỉ có sự hiện diện của vua, các *hoàng thân* (đôi khi có thêm *quốc thích*) và các đình thần. Còn nữ giới, dù là người trong Hoàng gia, kể cả Hoàng Quý phi, Hoàng Thái hậu, tuyệt đối không được phép tham dự các cuộc lễ ở đây. Ngay cả trong những ngày *lễ đản* (sinh nhật), *lễ kỵ* (ngày mất) của các vua chúa nhà Nguyễn quá cố diễn ra tại 4 miếu thờ vừa nói, các Bà hoàng cũng không được phép đến dự, vì 4 miếu thờ này là "công miếu". Họ chỉ có thể đến dự những lễ đản, lễ kỵ ấy tại điện Phụng Tiên, một "biệt miếu" nằm ở bên kia trục ngang của Hoàng cung. Điện Phụng Tiên được thiết lập dưới thời Minh Mạng, dành riêng cho tất cả các thành viên nam nữ trong Hoàng gia đến cúng tế, "hầu kỵ" các vua Nguyễn quá cố.

Một trong những Bà hoàng có uy tín và đã được các vua nhà Nguyễn trọng vọng nhất là bà Phạm Thị Hằng (1810 - 1901), thường được gọi là bà Từ Dũ (vợ vua Thiệu Trị, mẹ vua Tự



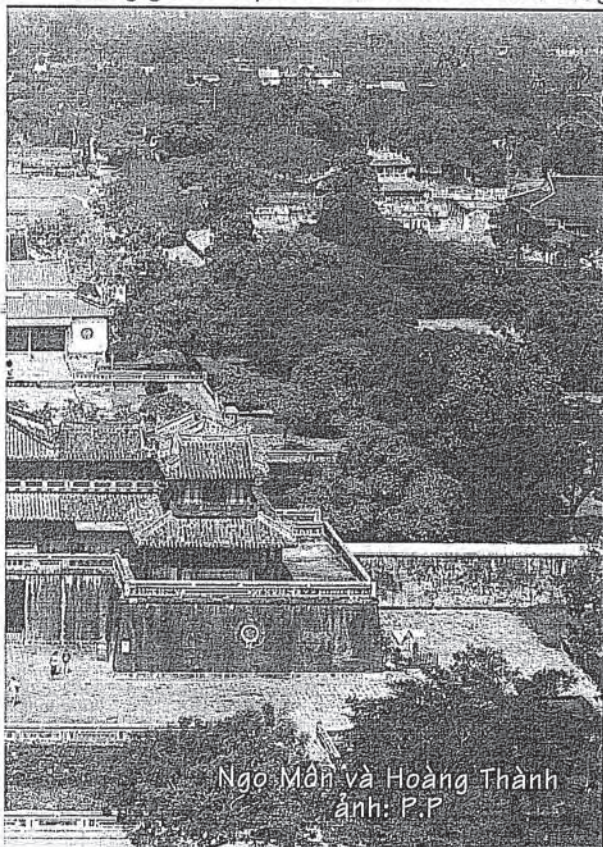
Đức). Từ khi sinh ra cho đến khi chết, Bà đã sống qua 10 đời vua (từ Gia Long đến Thành Thái) và đã hưởng được sự vinh hoa phú quý đến tột bậc, nhưng Bà vẫn chưa bao giờ được phép tham dự bất cứ một cuộc "quốc lễ" hoặc "quốc tế" nào ở khu vực này.

Đó là một điển lệ đã được triều Nguyễn quy định một cách nghiêm khắc. Điển lệ đó cho thấy có sự phân biệt rạch ròi về chức phận giữa nam giới và nữ giới trong quốc sự ở chốn cung đình cũng như trong mọi sinh hoạt đời thường ở ngoài xã hội đương thời.

Dù sao đi nữa, mật độ kiến trúc ở địa phận này cũng tương đối thưa. Đặc biệt, từ điện Thái Hòa nhìn ra phía trước và hai bên, là một không gian rất thoáng. Với bố cục này, có lẽ các nhà quy hoạch ngày xưa muốn tăng thêm tính uy nghi, cao cả và thiêng liêng của các công trình kiến trúc ở đây.

- *Địa phận phía Bắc*: Mật độ kiến trúc ở địa phận phía Bắc khá cao; nhất là bên trong Tử Cấm Thành.

Nếu địa phận phía Nam dành cho những sinh hoạt lễ nghi thiêng liêng như trên đã nói, thì địa phận phía Bắc là nơi dành chủ yếu cho các sinh hoạt mang tính thể tục hàng ngày của Hoàng gia và một số triều thần chủ chốt cùng



Ngô Môn và Hoàng Thành
ảnh: P.P

giúp Vua giải quyết các công việc hành chính thường nhật mang tính quốc gia.

Tử Cấm Thành cũng có mặt bằng hình chữ nhật (290mx324m) với diện tích gần 9,5ha. Trên lý thuyết, mặt bằng đó được chia ra làm 2 cung: cung Càn Thành ở phía trước và cung Khôn Thái ở phía sau. Mỗi cung gồm có nhiều điện và các công trình kiến trúc phối thuộc. Cung Càn Thành là khu vực ăn ở và sinh hoạt hàng ngày của vua; tính theo trục dọc thì chạy từ Đại Cung Môn đến điện Càn Thành. Ngày xưa, ở Đại Cung Môn có treo tấm hoành phi sơn son thếp vàng đề 3 chữ "Càn Thành Cung". Còn cung Khôn Thái là khu vực ăn ở và sinh hoạt hàng ngày của Hoàng Quý phi và rất nhiều cung phi khác. Tại khu vực này, có điện Khôn Thái nằm ở giữa và các tòa nhà phụ thuộc tọa lạc ở xung quanh, như Tịnh Quan Viện (nhà hát), Lục Viện (chỗ ăn ở của các cung phi). Trên thực tế, các công trình kiến trúc thuộc 2 cung Càn Thành và Khôn Thái đã có sự liên kết và đan xen với nhau một cách mật thiết.

Bức bình phong dằng dài sau lưng điện Càn Chánh là một chỉ giới tượng trưng ngăn cách hai không gian sinh hoạt trong Tử Cấm thành. Phía trước bức bình phong là một tổ hợp kiến trúc gồm điện Càn Chánh, (nơi vua làm việc hàng ngày), và các tòa nhà phối thuộc (như Tả Vu, Hữu Vu, Đông Các, điện Văn Minh, điện Võ Hiển). Tổ hợp kiến trúc vừa nói dành cho sinh hoạt "ngoại triều" thường nhật của vua. Còn các sinh hoạt "nội đình" (tạm hiểu là nội bộ Hoàng gia) thì chỉ diễn ra từ điện Càn Thành trở về phía sau.

Như vậy, trong bố cục của Tử Cấm Thành, tổ hợp kiến trúc điện Càn Chánh, xét về mặt chức năng và ý nghĩa, vẫn là một cái gạch nối, như địa vị và nếp sống của ông Vua, giữa sinh hoạt của triều đình và gia đình ở chốn thâm cung.

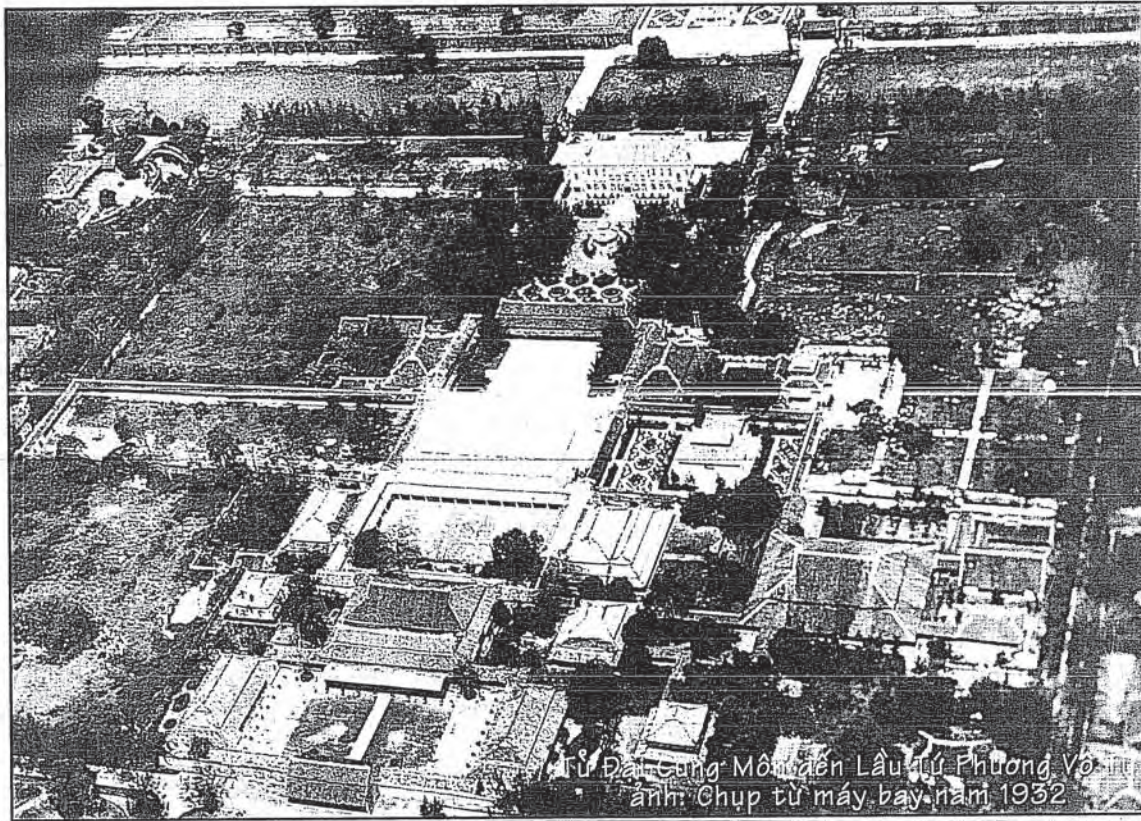
Nếu nhìn bố cục của tất cả các công trình kiến trúc trong tổng thể mặt bằng Hoàng cung (bao gồm cả Hoàng thành và Tử Cấm Thành), có thể nhận ra một điều nữa: điện Càn Thành, nơi vua ăn ở, tọa lạc tại trung tâm điểm của tổng thể mặt bằng đó. Do đó nếu ví Hoàng cung Huế là một vũ trụ thu nhỏ, có đủ mọi phương tiện để ông vua ăn ở, làm việc, hành lễ, cúng tế, vui chơi, ngoạn cảnh..., thì điện Càn Thành chính là trung tâm điểm của vũ trụ này. Theo quan niệm xưa kia, Vua là đáng chí tôn

trong thiên hạ, là mặt trời cao cả trong bầu trời. Các cung điện và các loại hình kiến trúc khác trong Hoàng cung đều được bố trí như những hành tinh quay xung quanh mặt trời ấy. Từ đây liên lạc với hầu hết các cung điện xung quanh bằng một hệ thống hành lang có mái che. Bố cục này là một biểu hiện cụ thể của thái độ độc tôn quân quyền dưới chế độ quân chủ nói chung, dưới triều Nguyễn nói riêng.

Một đặc điểm nữa trong bố cục của Hoàng

cung Huế là các nhà quy hoạch đầu thế kỷ XIX đã bố trí nhiều miếu thờ vua chúa nhà Nguyễn trong phạm vi Hoàng thành. Khác với Hoàng cung của các triều đại trước kia trong lịch sử Việt Nam (không bao giờ xây dựng miếu thờ các vua chúa tiền nhiệm ở bên trong), Hoàng cung Huế có đến 5 tòa miếu to lớn dùng để thờ phụng các "Tiên vương Liệt thánh" của triều đại: *Triệu Tổ Miếu* (thờ Nguyễn Kim, người sinh

(Xem tiếp trang 69)



Từ Đại Cung Môn đến Lâu Tứ Phương Vô Sự
ảnh: Chụp từ máy bay năm 1932

CHÚ THÍCH:

(1) "The Complex of Hue Monuments: The first Capital of Unified Vietnam, the city was built at the beginning of the 19th century in line with eastern philosophies and Vietnamese tradition. Its melting with the natural environment, the beauty of the exceptional architecture and decorated buildings are a unique reflection of the old Vietnam empire at its height" (The World Heritage Newsletter, số 4, tháng 3-1994, trang 7).

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, bản dịch của Viện Sử học, tập XII, NXB Khoa Học, Hà Nội, 1965, trang 18.

(3) KTS.Nguyễn Bá Lăng, Đại Nội Huế, Tập san

Xây Dựng Mới, Sài Gòn, Loại mới, số 3, tháng 1-1967, trang 26; Văn Hóa Tập san, Sài Gòn, tập XVII, số 1, tháng 9-1968, trang 12.

(4) Dẫn dịch bởi KTS Từ Lâm Nguyễn Xuân Nghị, *Lược khảo về mỹ thuật Việt Nam*, Quốc Học Thư xã xuất bản, Hà Nội, 1942, trang 37 và 47.

(5) Robert R.de la Susse, *Le Palais Impérial* (Hoàng cung Huế), Revue Indochinoise, Janvier - Juin, 1913, trang 23.

(6) Hoàng Lan Tường, *Sơ khảo về qui hoạch thành thị Huế, quốc đô của Việt Nam vào thế kỷ XIX*, bản dịch của Hằng Hà và Phan Thanh Hải, in trong tập sách "Di sản văn hóa Huế, 20 năm bảo tồn và phát huy giá trị", Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế xuất bản, Huế, 2002, trang 174.

(Tiếp trang 39)

ra Nguyễn Hoàng - vị chúa Nguyễn đầu tiên), *Thái Tổ Miếu* (thờ 9 đời chúa Nguyễn), *Hưng Tổ Miếu* (thờ Nguyễn Phúc Luân, người sinh ra vua Gia Long), *Thế Tổ Miếu* và điện *Phụng Tiên* (cả hai đều thờ các vua Nguyễn như trên đã nói). Trong bố cục của Hoàng cung, cả 5 tòa miếu ấy đều đã được xây dựng ở những vị trí rất trang trọng. Điều này chứng tỏ rằng "các vua triều Nguyễn đã chú trọng nhiều đến việc thờ phụng tổ tiên và tôn sùng thế phả" (3).

Từ những đặc điểm về bố cục của Hoàng cung Huế và ý nghĩa của nó như vừa nêu, người viết bài này bất giác thấy rõ nhận định của một người phương Tây (trước đây) về nền mỹ thuật cổ truyền Việt Nam, rằng: "Mỹ thuật An Nam là mỹ thuật Tàu suy nhược, nhỏ hẹp... nói tắt một lời là đời bại" (*L'art annamite est l'art chinois atrophie, étriqué, en un mot, décadent*) (4), là nhận định của một "người ngoại quốc" mang nặng đầu óc thực dân và có ý miệt thị về mỹ thuật của đất nước bị trị bấy giờ. Chắc hẳn đó chỉ là một đánh giá xấu nổi theo cảm tính hời hợt.

Tương tự, vào đầu thế kỷ XX, một người Pháp, Robert R. de la Susse, sau khi tìm hiểu kỹ về giá trị của một số bảo vật được sản xuất tại Huế dưới thời Minh Mạng, đã nhận xét rằng: "Như vậy, đây là nghệ thuật Trung Hoa được nhìn dưới con mắt của người An Nam" (*C'est donc de l'art chinois vu par des yeux annamites*) (5).

Và gần đây, trong khi khảo cứu về quy hoạch Kinh đô triều Nguyễn, một học giả Đài Loan, Tiến sĩ Hoàng Lan Tường (Huang Lan Shiang), đã cho rằng bố cục Hoàng cung Huế là "sự kế thừa và biến đổi cách phối trí đô thành truyền thống của Trung Quốc" (6).

Nhưng, thực tế của kiến trúc cung đình Huế đã cho thấy rằng, mặc dù chịu ảnh hưởng của Trung Hoa, người Việt Nam vẫn làm nghệ thuật theo cách của mình. Cho nên, các nhà kiến trúc triều Nguyễn đã để lại ở Huế một Quần thể Di tích cung đình nói chung, một Hoàng cung nói riêng, mang giá trị toàn cầu đặc biệt (la valeur universelle exceptionnelle), như UNESCO đã công nhận.

Bố cục của Hoàng cung Huế và ý nghĩa của nó, như vừa trình bày trên đây, cũng là một phần của giá trị đặc biệt này.

P.T.A

THÀNH LẬP BAN NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUỐC GIA

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Văn hoá - Thông tin lập Đề án xây dựng Bảo tàng Lịch sử Quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, báo cáo Bộ Chính trị, ngày 20/6/2003 Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin đã có Quyết định số 1845/QĐ-BVHTT về việc thành lập Ban Nghiên cứu xây dựng Đề án Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, do GS. TSKH Lưu Trần Tiêu, Chủ tịch Hội đồng khoa học ngành Bảo tồn Bảo tàng, làm Trưởng ban. Các thành viên của Ban bao gồm đại diện các cơ quan: Cục Di sản Văn hoá, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cùng một số nhà khoa học có uy tín trong ngành.

Bảo tàng Lịch sử Quốc gia được xác định là một trong những công trình văn hoá hiện đại, hoành tráng và to đẹp nhất về kiến trúc, nội dung, trang thiết bị kỹ thuật của Việt Nam ở thế kỷ XXI. Nội dung trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia sẽ được xây dựng trên cơ sở kế thừa các bộ sưu tập hiện vật hiện có của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Các công việc chuẩn bị xây dựng Đề án quan trọng này đang được các cơ quan hữu quan triển khai, trong đó có việc: tổ chức khai thác thông tin - tư liệu về các bảo tàng Quốc gia ở các nước để tham khảo trong quá trình xây dựng Đề án Bảo tàng Lịch sử Quốc gia; tiến hành các cuộc hội thảo khoa học, tọa đàm, đi khảo sát thực tế để đề xuất nội dung trưng bày của bảo tàng; nghiên cứu đề xuất những yêu cầu về quy hoạch không gian, về hình thức kiến trúc, về công năng, quy mô của bảo tàng phục vụ cho việc xây dựng các phương án kiến trúc công trình.

Trần Trung Hiếu